

Số: 64/BC- THCS

An Bình, ngày 12 tháng 07 năm 2025

## BÁO CÁO

### Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách và phí, lệ phí Quý II năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trường THCS An Bình báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách và phí, lệ phí (nếu có) như sau:

#### I. Công khai thực hiện dự toán thu, chi phí, lệ phí quý II năm 2025

##### 1. Nguồn thu phí, lệ phí

- Tổng thu: 248.625.000 đồng, đạt 111% dự toán giao, bằng 97 % so với cùng kỳ năm trước

- Tổng chi: 50.800.800 đồng, đạt 23% dự toán giao, bằng 124% so với cùng kỳ năm trước

##### 2. Chi từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo:

Tổng chi: 1.733.831.800 đồng, đạt 28% dự toán giao, bằng 74% so với cùng kỳ năm trước

(có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo khái quát tình hình thực hiện thu, chi ngân sách quý 2 năm 2025, của Trường THCS An Bình

#### Nơi nhận:

- Phòng kinh tế xã;
- Lưu VT.



**Đỗ Văn Truy**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                           | Dự toán năm | Ước thực hiện quý 2 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1         | 2                                                  | 3           | 4                   | 5                                   | 6                                                              |
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |             |                     |                                     |                                                                |
| <b>I</b>  | <b>Số thu học phí</b>                              | 225,0       | 248,625             | 111%                                | 97%                                                            |
| 1         | Số thu học phí                                     | 225,0       | 248,625             | 111%                                | 97%                                                            |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            | 225,000     | 50,8008             | 23%                                 | 124%                                                           |
| <b>I</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>                      | 225,000     | 50,8008             | 23%                                 | 124%                                                           |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 225,000     | 50,8008             | 23%                                 | 124%                                                           |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              |             |                     |                                     |                                                                |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |             |                     |                                     |                                                                |
| 3         | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề        | 6.297,65    | 1.733,83            | 28%                                 | 74%                                                            |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 5.994,91    | 1.529,7818          | 26%                                 | 83%                                                            |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 302,74      | 204,050             | 67%                                 | 5%                                                             |